

THỬ NGHIỆM BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THEO TIẾP CẬN NĂNG LỰC CHO CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ GIẢNG VIÊN

Nguyễn Thị Hà Phương

Trung tâm Khảo thí Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày nhận bài 14/3/2022, ngày nhận đăng 10/5/2022

DOI: <https://doi.org/10.56824/vujs.2021ed08>

Tóm tắt: Bồi dưỡng năng lực đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo tiếp cận năng lực được xem là một giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực này cho cán bộ quản lý và giảng viên các trường đại học sư phạm. Chúng tôi đề xuất giải pháp bồi dưỡng năng lực đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo tiếp cận năng lực cho cán bộ quản lý và giảng viên với mục tiêu, nội dung, cách thức thực hiện và điều kiện thực hiện cụ thể. Bài báo này trình bày việc thử nghiệm giải pháp đó tại một số trường đại học sư phạm ở Việt Nam trong năm học 2018-2019 nhằm khẳng định tính hiệu quả và tính khả thi của giải pháp.

Từ khóa: Năng lực đánh giá; kết quả học tập; tiếp cận năng lực; đại học sư phạm.

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình chuyển từ đào tạo tiếp cận tri thức sang đào tạo theo tiếp cận năng lực, các trường đại học sư phạm (ĐHSP) phải đổi mới toàn bộ quá trình đào tạo, trong đó có đánh giá kết quả học tập (KQHT) của sinh viên (SV). Đánh giá KQHT của SV theo tiếp cận năng lực đòi hỏi ở giảng viên (GV) và cán bộ quản lý (CBQL) những năng lực nhất định. Trong khi đó phần lớn GV và CBQL của các trường ĐHSP lại đang quen với cách đánh giá và quản lý đánh giá KQHT của SV theo cách thức truyền thống, chủ yếu dựa trên sự tái hiện kiến thức của SV. Từ đó, bồi dưỡng năng lực đánh giá KQHT của SV theo tiếp cận năng lực được xem là một giải pháp để nâng cao năng lực này cho GV và CBQL trường ĐHSP.

Chúng tôi đã xây dựng giải pháp bồi dưỡng năng lực đánh giá KQHT của SV theo tiếp cận năng lực cho GV và CBQL với mục tiêu, nội dung, cách thức thực hiện và điều kiện thực hiện cụ thể.

Chúng tôi đã tiến hành thử nghiệm giải pháp ở một số trường ĐHSP. Kết quả thử nghiệm đã khẳng định tính hiệu quả và tính khả thi của giải pháp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổ chức thực nghiệm

2.1.1. Mục đích thử nghiệm

Mục đích thử nghiệm là xác định hiệu quả, tính khả thi của giải pháp “Bồi dưỡng năng lực đánh giá KQHT của SV ĐHSP theo tiếp cận năng lực cho CBQL và GV”.

2.1.2. Nội dung thử nghiệm

i) Đánh giá kiến thức của CBQL và GV về đánh giá KQHT của SV ĐHSP theo TCNL: ĐG mức độ nắm vững kiến thức về các nội dung được bồi dưỡng của khách thể thử nghiệm qua việc trả lời các câu hỏi trắc nghiệm về các khái niệm: năng lực, tiếp cận năng lực, nội dung, hình thức đánh giá KQHT của SV ĐHSP theo TCNL, nội dung quản lý hoạt động đánh giá, chủ thể quản lý hoạt động đánh giá theo tiếp cận năng lực.

ii) Đánh giá kỹ năng của CBQL và GV về đánh giá KQHT của SV ĐHSP theo tiếp cận năng lực bao gồm các kỹ năng về xác định mục đích, yêu cầu; lập kế hoạch; kỹ năng thiết kế các bài tập; xây dựng ngân hàng đề thi; kỹ năng quy trình hóa; sử dụng đa dạng các phương pháp và hình thức; xây dựng rubric chấm điểm các bài tập; kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin; sử dụng thông tin về KQHT của SV để cải tiến hoạt động giảng dạy, quản lý đào tạo; giúp đỡ SV tự ĐG và ĐG lẫn nhau về KQHT.

Chuẩn và thang ĐG cho từng kỹ năng theo 3 mức độ: khá, trung bình, yếu.

Chủ thể thực hiện bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ CBQL, GV về đánh giá KQHT của SV ĐHSP theo TCNL là các chuyên gia về đo lường, đánh giá trong GDĐH dưới sự chỉ đạo của hiệu trưởng các trường ĐHSP.

2.1.3. Đối tượng, địa bàn và thời gian thử nghiệm:

i) Địa bàn thử nghiệm

Các trường ĐH: ĐHSP, ĐH Thái Nguyên; ĐHSP Hà Nội; ĐH Vinh; ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh.

ii) Thời gian thử nghiệm

- Học kỳ 1 của năm học 2018-2019: Khảo sát đầu vào và triển khai thử nghiệm lần thứ nhất.

- Học kỳ 2 của năm học 2018-2019: Triển khai thử nghiệm lần thứ hai.

iii) Mẫu khách thể thử nghiệm

Mẫu khách thể thử nghiệm là 421 CBQL (trưởng, phó các phòng chức năng; các khoa/viện đào tạo) và GV của 4 trường ĐH trên.

Bảng 1: Tổng hợp số lượng khách thể thử nghiệm

Nhóm	Trường	Số lượng nghiệm thể		Σ
		CBQL	GV	
Đối chứng (211)	ĐHSP Hà Nội	25	101	126
	ĐHSP, ĐH Thái Nguyên	23	62	85
Thử nghiệm (210)	ĐH Vinh	23	61	84
	ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	25	101	126

- Khách thể thử nghiệm giữa nhóm thử nghiệm và đối chứng tương đương nhau về số lượng, loại hình. Các thông số khác như độ tuổi, trình độ đào tạo, chức danh giảng dạy về cơ bản cũng tương đương nhau.

2.1.4. Phương pháp thử nghiệm

Thử nghiệm được tiến hành hai lần (lần thứ nhất và lần thứ hai), theo hình thức song song, trong đó tương ứng với các nhóm thử nghiệm có các nhóm đối chứng. Nhóm thử nghiệm là nhóm thực hiện việc bồi dưỡng nâng cao năng lực theo nội dung và quy

trình do chúng tôi đề xuất, còn nhóm đối chứng không thực hiện việc bồi dưỡng nâng cao năng lực theo nội dung và quy trình này.

2.1.5. Cách thức xử lý số liệu

- Đối với trình độ kiến thức của CBQL và GV, số liệu thử nghiệm được tính theo tỉ lệ % và theo các tham số sau:

+) Điểm trung bình cộng:
$$\bar{X} = \frac{1}{N} \sum_{i=1}^n x_i \cdot n_i$$

+) Phương sai:
$$\delta^2 = \frac{1}{N-1} \sum_{i=1}^n (x_i - \bar{X})^2 F_i$$

+) Độ lệch tiêu chuẩn:
$$\delta = \sqrt{\delta^2}$$

+) Hệ số biến thiên:
$$CV\% = \frac{\delta}{\bar{X}} \cdot 100$$

+) Các tham số t và F

Với: $f_i = \frac{F_i}{N}$ là tần suất

N là số CBQL, GV được đánh giá.

F_i, X_i - Số bài đánh giá đạt điểm tương ứng là X_i ; trong đó: $0 \leq X_i \leq 10$

Đặc trưng cho phổ phân bố điểm của bài đánh giá ở mỗi nhóm.

- Đối với trình độ kỹ năng của CBQL và GV, chúng tôi tính tỉ lệ % số người đạt các loại khá, trung bình, yếu ở từng mức độ của mỗi kỹ năng.

2.2. Phân tích kết quả thử nghiệm

2.2.1. Phân tích kết quả thử nghiệm về mặt định lượng

i) Kết quả thử nghiệm về trình độ kiến thức đánh giá KQHT của SV ĐHSP theo tiếp cận năng lực ở CBQL và GV các trường ĐHSP

- Ở lần thử nghiệm 1

Kết quả thử nghiệm về trình độ kiến thức của CBQL, GV trường ĐHSP trong lần 1 được thể hiện ở Bảng 2.

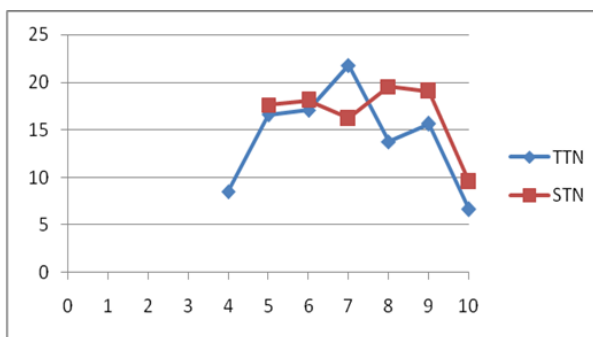
Bảng 2: Bảng tần suất kết quả kiểm tra lần thử nghiệm 1 về kiến thức của CBQL, GV ĐHSP

Nhóm	Trường	SL	Các thông số			
			\bar{X}	Phương sai	Độ lệch chuẩn	Hệ số biến thiên
Đối chứng	ĐHSP Hà Nội	126	6,69	2,24	1,49	22,27
	ĐHSP, ĐH Thái Nguyên	85	6,61	2,42	1,55	23,44
	\bar{X}		6,65	2,33	1,52	22,85
Thử nghiệm	ĐH Vinh	84	7,33	2,21	1,48	20,19
	ĐHSP Thành phố Hồ Chí Minh	126	7,25	2,04	1,42	19,58
	\bar{X}		7,29	2,12	1,45	19,88

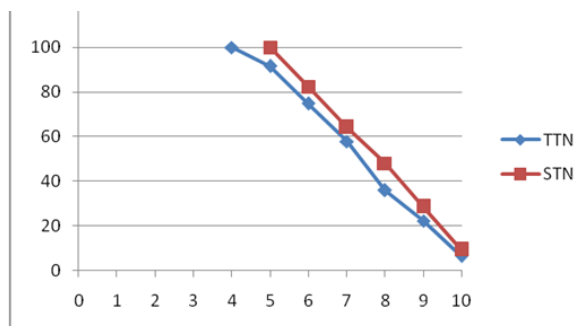
Từ kết quả ở Bảng 2 có thể lập được bảng phân bố tần suất f_i , tần suất tích lũy $f_i \uparrow$ và vẽ được các đường biểu diễn tần suất tích lũy $f_i \uparrow$, biểu đồ phân bố tần suất f_i .

Bảng 3: Phân bố tần suất f_i , tần suất tích lũy $f_i \uparrow$ về kiến thức của nhóm thử nghiệm và nhóm đối chứng lần thử nghiệm thứ nhất

X_i	Đối chứng ($n = 211$)			Thử nghiệm ($n = 210$)		
	F_i	f_i	$f_i \uparrow$	F_i	f_i	$f_i \uparrow$
0	-	-	-	-	-	-
1	-	-	-	-	-	-
2	-	-	-	-	-	-
3	-	-	-	-	-	-
4	18	8,53	100	0	-	-
5	35	16,58	91,47	37	17,62	100
6	36	17,06	74,89	38	18,10	82,39
7	46	21,80	57,83	34	16,19	64,30
8	29	13,74	36,03	41	19,52	48,11
9	33	15,63	22,29	40	19,04	28,59
10	14	6,63	6,63	20	9,52	9,52
Σ	211	100		210	100	



Biểu đồ 1: Biểu đồ phân bố tần suất f_i lần thử nghiệm 1



Biểu đồ 2: Biểu đồ tần suất tích lũy $f_i \uparrow$ lần thử nghiệm 1

Từ các kết quả trên, có thể rút ra những nhận xét sau đây:

+) Điểm trung bình cộng của nhóm thử nghiệm theo từng nhóm/trường cũng như điểm trung bình cộng tổng hợp sau thử nghiệm theo từng nhóm/trường đều cao hơn nhóm đối chứng: $7,29 > 6,65$;

+) Hệ số biến thiên của nhóm thử nghiệm theo từng nhóm/trường cũng như hệ số biến thiên tổng hợp sau thử nghiệm theo từng nhóm/trường đều nhỏ hơn nhóm đối chứng: $19,88 < 22,85$;

+) Đường biểu diễn tần suất và tần suất tích lũy của nhóm thử nghiệm về kiến thức đều thấy cao hơn và dịch chuyển về bên phải so với nhóm đối chứng.

Với các kết quả trên, có thể thấy trình độ kiến thức của nhóm thử nghiệm cao hơn nhóm đối chứng.

- Ở lần thử nghiệm 2

Kết quả lần thử nghiệm 2 về kiến thức đánh giá KQHT của SV ĐHSPT theo TCNL ở CBQL và GV được thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4: Bảng tần suất kết quả kiểm tra sau lần thử nghiệm 2 về kiến thức của CBQL, GV ĐHSPT

Nhóm	Trường	SL	Các thông số			
			\bar{X}	Phương sai	Độ lệch chuẩn	Hệ số biến thiên
Đối chứng	ĐHSPT Hà Nội	126	6,80	2,32	1,52	22,35
	ĐHSPT, ĐH Thái Nguyên	85	6,74	1,78	1,33	19,73
	\bar{X}		6,77	2,05	1,42	21,04
Thử nghiệm	ĐH Vinh	84	7,89	1,14	1,07	13,56
	ĐHSPT Thành phố Hồ Chí Minh	126	8,03	1,29	1,13	14,07
	\bar{X}		7,96	1,21	1,10	13,81

Qua Bảng 4, ta thấy:

+) Trong lần thử nghiệm 2, trình độ kiến thức của nhóm thử nghiệm cao hơn hẳn nhóm đối chứng. Chỉ cần so sánh điểm trung bình cộng của hai nhóm là có thể thấy rõ nhận định trên. Nếu điểm trung bình cộng của nhóm đối chứng là 6,77 thì điểm trung bình cộng của nhóm thử nghiệm là 7,96.

+) Ngay trong nhóm thử nghiệm, kết quả về trình độ kiến thức ở lần thử nghiệm 2 cũng cao hơn một cách rõ rệt so với lần thử nghiệm 1:

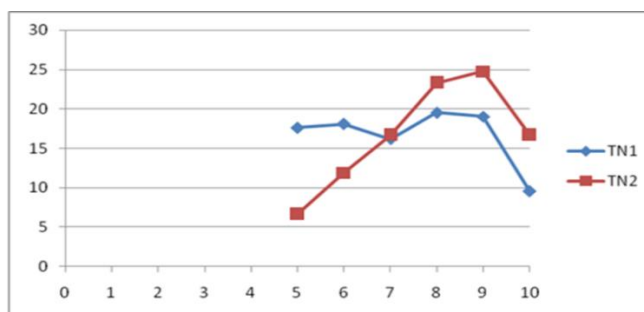
Điểm trung bình cộng trong lần thử nghiệm 2 cao hơn điểm trung bình cộng trong lần thử nghiệm 1 ($7,96 > 7,29$).

Hệ số biến thiên trong lần thử nghiệm 2 nhỏ hơn hệ số biến thiên trong lần thử nghiệm 1 ($13,81 < 19,88$).

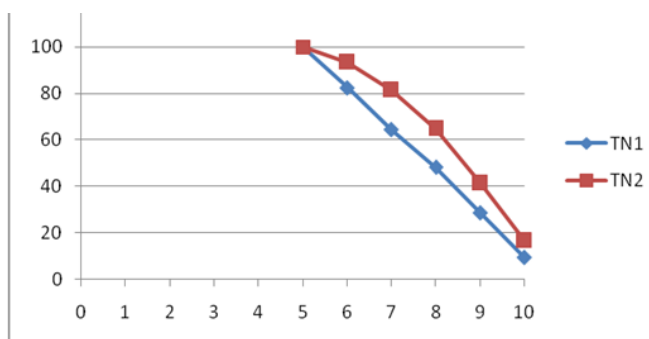
Để có một cái nhìn trực quan về kết quả của lần thử nghiệm 1 so với lần thử nghiệm 2, có thể lập bảng phân bố tần suất f_i , tần suất tích lũy $f_i \uparrow$ và vẽ được các đường biểu diễn tần suất tích lũy $f_i \uparrow$, biểu đồ phân bố tần suất f_i .

Bảng 5: Phân bố tần suất f_i và tần suất tích lũy $f_i \uparrow$ về kiến thức của nhóm thử nghiệm trong lần thử nhất và lần thử hai

X_i	Thử nghiệm 1			Thử nghiệm 2		
	F_i	f_i	$f_i \uparrow$	F_i	f_i	$f_i \uparrow$
0	-	-	-	-	-	-
1	-	-	-	-	-	-
2	-	-	-	-	-	-
3	-	-	-	-	-	-
4	0	-	-	0	-	-
5	37	17,61	100	14	6,66	100
6	38	18,09	82,39	25	11,90	93,34
7	34	16,19	64,30	35	16,66	81,44
8	41	19,52	48,11	49	23,33	64,78
9	40	19,04	28,59	52	24,76	41,45
10	20	9,52	9,52	35	16,66	16,66
Σ	210	100		210	100	



Biểu đồ 3: Biểu đồ phân bố tần suất f_i lần thử nghiệm 1 và lần thử nghiệm 2



Biểu đồ 4: Biểu đồ tần suất tích lũy $f_i \uparrow$ lần thử nghiệm 1 và lần thử nghiệm 2

Qua Biểu đồ 3 và Biểu đồ 4, có thể thấy: đường biểu diễn tần suất và tần suất tích lũy trong lần thử nghiệm 2 cao hơn và dịch chuyển về bên phải so với lần thử nghiệm 1. Điều đó chứng tỏ kết quả của lần thử nghiệm 2 cao hơn lần thử nghiệm 1.

ii) Kết quả thử nghiệm về kỹ năng của CBQL và GV trường ĐHSP

- Ở lần thử nghiệm 1

Kết quả thử nghiệm về trình độ kỹ năng của CBQL và GV trường ĐHSP ở lần 1 được thể hiện ở Bảng 6.

Bảng 6: Kết quả về trình độ kỹ năng của CBQL, GV ĐHSP ở lần thử nghiệm 1

Nhóm	MĐ	Các kỹ năng (%)										\bar{X}
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Đối chứng (211)	Khá	30,8 (65)	28,5 (60)	31,8 (67)	28,0 (59)	29,9 (63)	31,8 (67)	28,5 (60)	29,9 (63)	24,6 (52)	26,5 (56)	29,0
	TB	53,6 (113)	57,3 (121)	53,6 (113)	57,3 (121)	53,0 (112)	53,6 (113)	57,3 (121)	53,0 (112)	54,5 (115)	55,5 (117)	54,9
	Yếu	15,6 (33)	14,2 (30)	14,6 (31)	14,6 (31)	17,1 (36)	14,6 (31)	14,2 (30)	17,1 (36)	20,9 (44)	18,0 (38)	16,1
Thử nghiệm (210)	Khá	41,4 (87)	38,1 (80)	40,0 (84)	38,1 (80)	38,1 (80)	40,0 (84)	38,1 (80)	38,1 (80)	30,5 (64)	32,9 (69)	37,5
	TB	48,1 (101)	50,0 (105)	50,5 (106)	50,0 (105)	52,4 (110)	50,5 (106)	50,0 (105)	52,4 (110)	51,4 (108)	52,4 (110)	50,8
	Yếu	10,5 (22)	11,9 (25)	9,5 (20)	11,9 (25)	9,5 (20)	9,5 (20)	11,9 (25)	9,5 (20)	18,1 (38)	14,7 (31)	11,7

Bảng 6 cho thấy kết quả về trình độ kỹ năng của nhóm thử nghiệm cao hơn nhóm đối chứng. Cụ thể là:

+) Số người được xếp ở mức độ khá của nhóm thử nghiệm cao hơn nhóm đối chứng (37,5% so với 29,0%).

+) Số người xếp ở mức độ yếu của nhóm thử nghiệm nhỏ hơn nhóm đối chứng (11,7% so với 16,1%).

- Ở lần thử nghiệm 2

Ở lần thử nghiệm 2 độ yếu của nhóm thử nghiệm nhỏ hơn nhóm đối chứng (11,7% so với 16,1%).

Bảng 7: Kết quả về trình độ kỹ năng của CBQL, GV ĐHSP ở lần thử nghiệm 2

Nhóm	MĐ	Các kỹ năng (%)										\bar{X}
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Đối chứng (211)	Khá	33,6 (71)	29,9 (63)	34,1 (72)	29,9 (63)	33,6 (71)	34,1 (72)	29,9 (63)	33,6 (71)	26,5 (56)	28,0 (59)	31,3
	TB	53,6 (113)	54,5 (115)	53,6 (113)	54,5 (115)	53,6 (113)	53,6 (113)	54,5 (115)	53,6 (113)	55,5 (117)	56,4 (119)	54,3
	Yếu	12,8 (27)	15,6 (33)	12,3 (26)	15,6 (33)	12,8 (27)	12,3 (26)	15,6 (33)	12,8 (27)	18,0 (38)	15,6 (33)	14,4
Thử nghiệm	Khá	54,3 (114)	51,0 (107)	54,3 (114)	51,0 (107)	53,3 (112)	51,0 (107)	51,0 (107)	53,3 (112)	51,0 (107)	52,4 (110)	52,3

Nhóm	MD	Các kỹ năng (%)										\bar{X}
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
(210)	TB	45,7 (96)	49,0 (103)	45,7 (96)	49,0 (103)	46,7 (98)	49,0 (103)	49,0 (103)	46,7 (98)	49,0 (103)	47,6 (100)	47,7
	Yếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Bảng 7 cho thấy kết quả về trình độ kỹ năng của nhóm thử nghiệm cao hơn nhóm đối chứng. Cụ thể là:

+) Số người được xếp ở mức độ khá của nhóm thử nghiệm cao hơn nhóm đối chứng (52,3% > 31,3%).

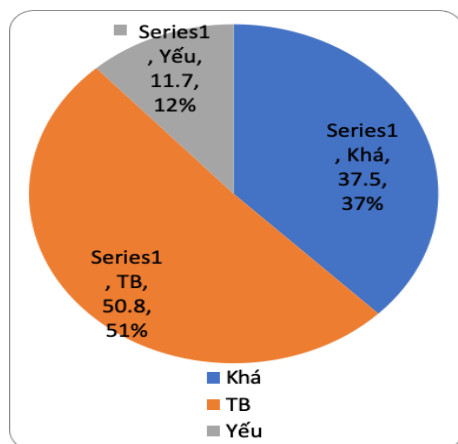
+) Ở nhóm thử nghiệm không còn người xếp loại yếu nhưng ở nhóm đối chứng vẫn còn 14,4% người xếp loại yếu.

Từ Bảng 6 và Bảng 7, có thể lập được Bảng 8 để so sánh kết quả về trình độ kỹ năng của CBQL và GV trường ĐHSPT giữa lần thử nghiệm 1 và lần thử nghiệm 2.

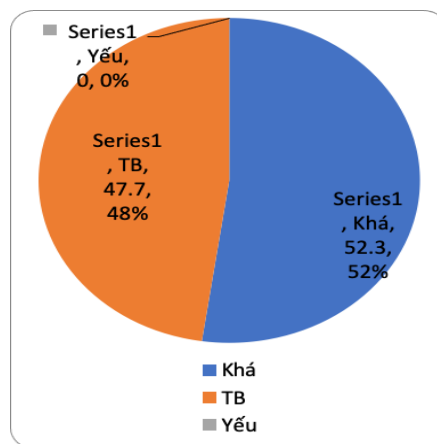
Bảng 8: So sánh kết quả về trình độ kỹ năng của CBQL, GV ĐHSPT ở lần thử nghiệm 1 và thử nghiệm 2

Nhóm	MD	Các kỹ năng (%)										\bar{X}
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Thử nghiệm 1 (210)	Khá	41,4	38,1	40,0	38,1	38,1	40,0	38,1	38,1	30,5	32,9	37,5
	TB	48,1	50,0	50,5	50,0	52,4	50,5	50,0	52,4	51,4	52,4	50,8
	Yếu	10,5	11,9	9,5	11,9	9,5	9,5	11,9	9,5	18,1	14,7	11,7
Thử nghiệm 2 (210)	Khá	54,3	51,0	54,3	51,0	53,3	51,0	51,0	53,3	51,0	52,4	52,3
	TB	45,7	49,0	45,7	49,0	46,7	49,0	49,0	46,7	49,0	47,6	47,7
	Yếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Ở lần thử nghiệm 1 và thử nghiệm 2, chúng tôi sử dụng biểu đồ dưới đây để thể hiện kết quả về trình độ kỹ năng của CBQL và GV trường ĐHSPT:



Thử nghiệm 1



Thử nghiệm 2

Biểu đồ 5: So sánh kết quả về trình độ kỹ năng của CBQL và GV ĐHSPT ở lần thử nghiệm 1 và thử nghiệm 2

2.2.2. Nhận xét về kết quả phân tích ở lần thử nghiệm

Qua khảo sát thử nghiệm và tìm hiểu thực tế, chúng tôi đưa ra một số nhận xét như sau:

- CBQL và GV sau khi được bồi dưỡng đã có hiểu biết đúng đắn hơn về đặc trưng, nội dung, phương pháp, kỹ thuật ĐG của SV ĐHSP theo tiếp cận NL; cách thức triển khai các hoạt động ĐG KQHT của SV ĐHSP theo tiếp cận NL ...

- Bên cạnh việc bồi dưỡng về kiến thức, CBQL và GV còn được bồi dưỡng về các kỹ năng ĐG KQHT của SV theo TCNL, bao gồm: kỹ năng xác định mục đích, yêu cầu; kỹ năng lập kế hoạch; kỹ năng thiết kế các bài tập; kỹ năng xây dựng ngân hàng đề thi; kỹ năng quy trình hóa; kỹ năng sử dụng đa dạng các phương pháp và hình thức; kỹ năng xây dựng rubric chấm điểm các bài tập; kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin; kỹ năng sử dụng thông tin về KQHT của SV để cải tiến hoạt động giảng dạy, quản lý đào tạo; kỹ năng giúp đỡ SV tự ĐG và ĐG lẫn nhau về KQHT.

- Việc nâng cao năng lực ĐG KQHT của SV ĐHSP theo tiếp cận NL cho CBQL và GV đã có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả quản lý chất lượng đào tạo của các trường đại học.

3. Kết luận

Qua kết quả thử nghiệm, chúng tôi rút ra các kết luận sau đây:

3.1. Kết quả thử nghiệm qua phân tích định lượng và định tính dựa trên phương pháp, cách thức thực hiện, tiêu chí đánh giá, cách thức xử lý số liệu, khách thể tham gia thử nghiệm có độ tin cậy và độ giá trị. Các chỉ số đánh giá qua các lần thử nghiệm về kiến thức và kỹ năng cho thấy sự khác biệt của sự chuyển biến tích cực về nhận thức, kiến thức, kỹ năng đánh giá của các khách thể tham gia thử nghiệm.

3.2. Sau khi được bồi dưỡng nâng cao năng lực, kiến thức và kỹ năng của CBQL và GV về đánh giá KQHT của SV ĐHSP theo TCNL, CBQL và GV đã có nhận thức đúng đắn hơn về đặc trưng, nội dung, phương pháp, hình thức, kỹ thuật đánh giá KQHT; nắm vững hơn cách thức triển khai các hoạt động đánh giá KQHT của SV ĐHSP theo TCNL.

3.3. Nâng cao năng lực về đánh giá KQHT của SV ĐHSP theo TCNL là giải pháp cần thiết, có tác động và ảnh hưởng lớn đến hiệu quả quản lý chất lượng đào tạo của các trường ĐHSP. Giải pháp có tính khả thi và cần được thực hiện trong các trường ĐHSP trong bối cảnh đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo nói chung và đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa hiện nay nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lâm Quang Thiệp (2010). *Đo lường trong giáo dục: Lý thuyết và ứng dụng*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Dương Thiệu Tông (2005). *Thử nghiệm và đo lường thành quả học tập*. NXB Khoa học và Xã hội, Đại học Tổng hợp TP Hồ Chí Minh.
- Hoàng Thị Tuyết (2013). Phát triển chương trình đại học theo tiếp cận năng lực: Xu thế và nhu cầu. *Tạp chí Phát triển và Hội nhập*, số 9.
- Ngô Quang Sơn (2009). *Biện pháp quản lý công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên trong đào tạo trực tuyến ở các trường đại học, cao đẳng*. NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.

- Arguelles, Antonio, Andrew Gonczi (2000). *Competency Based Education and Training: A World Perspective*. Mexico City: Grupo Noriega Editores.
- Mc Lagan P.A (1997). *Competencies: The Next Generation - Training and Development*.
- Linton, W. (2007). *Project Management Competency Development (PMCD) Framework*. PMI Global Congress Proceeding- Budapest.

SUMMARY

AN EXPERIMENTAL STUDY ON DEVELOPING THE COMPETENCE OF UNIVERSITY MANAGERS AND LECTURERS IN ASSESSING PEDAGOGICAL STUDENTS' LEARNING OUTCOMES ACCORDING TO COMPETENCE-ORIENTED APPROACH

Nguyen Thi Ha Phuong

VNU - Center for Educational Testing

Received on 14/3/2022, accepted for publication on 10/5/2022

Developing the competence in assessment of students' learning outcomes according to competence-based approach is considered an important key to improve the competence in assessment for managers and lecturers of pedagogical universities. A solution is proposed to foster the competence of managers and lecturers in assessment of students' learning outcomes according to competence-oriented approach with specific objectives, content, methods and scopes. This article presents an experimental study on applying that solution at a number of pedagogical universities in Vietnam to confirm its effectiveness and feasibility.

Keywords: Competence of assessment; learning outcomes; competence-oriented approach; pedagogical university.